

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 17-01-2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Như Lữ; Ông Lương Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thào Thị A**, sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: Bản H, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Vàng A Pháy**, sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Bản H, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2024 của nguyên đơn chị Thào Thị Ai và các tài liệu chứng cứ khác do các đương sự cung cấp, tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án. Nội dung vụ án các đương sự tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thào Thị Ai và anh Vàng A Pháy khai cả hai lấy nhau theo phong tục tập quán về chung sống với nhau từ năm 2006. Không đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng cả hai không thay đổi. Hai vợ chồng đã sống ly

thân từ năm 2021 cho đến nay. Chị A không còn tình cảm với anh Pháy nữa đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Ph cũng đồng ý ly hôn với chị A.

[2]. *Về con chung, con riêng*: Các đương sự đều có lời khai thể hiện trong quá trình sống chung có 04 con chung là cháu Vàng A V, sinh ngày 25/10/2009, cháu Vàng Thị S, sinh ngày: 28/3/2010, cháu Vàng Đình H, sinh ngày: 21/8/2015 và cháu Vàng Thị Ph, sinh ngày 08/11/2006. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Thảo Thị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 4 cháu. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị A và anh Ph đã thống nhất giao cả 4 người con cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cả 4 cháu đang sinh sống cùng với anh Ph. Hai bên đã thỏa thuận chị A cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/01 tháng/04 cháu. Chị A cấp dưỡng theo từng tháng và đưa tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 20 (dương lịch) hàng tháng.

[3]. *Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng*: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ*: Cả 4 cháu Vàng A V, sinh ngày 25/10/2009, cháu Vàng Thị S, sinh ngày: 28/3/2010, cháu Vàng Đình H, sinh ngày: 21/8/2015 và cháu Vàng Thị Ph, sinh ngày 08/11/2006 đều có đơn nguyện vọng gửi đến Tòa án thể hiện nguyện vọng của cháu là được ở với bố là anh Vàng A Ph.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng quy định; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 53; Điều 58; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1 Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thảo Thị A và anh Vàng A Ph. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giải quyết vấn đề con chung giao các cháu Vàng A V, sinh ngày 25/10/2009, cháu Vàng Thị S, sinh ngày: 28/3/2010, cháu Vàng Đình H, sinh ngày: 21/8/2015 và cháu Vàng Thị Ph, sinh ngày 08/11/2006 cho anh Vàng A Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị A cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/01 tháng/04 cháu kể từ tháng 02 năm 2025 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị A cấp dưỡng theo từng tháng và đưa tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 20 (dương lịch) hàng tháng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thảo Thị A và anh Vàng A Ph. Chị Thảo Thị A được miễn án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu của nguyên đơn: ngày 25/10/2024 chị Thào Thị A nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Chị A có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và được Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 28/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Thào Thị A theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản H, xã K, huyện ĐBD, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1. Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy rằng, hôn nhân giữa chị Thào Thị A và anh Vàng A Ph chỉ cưới hỏi theo phong tục của người dân tộc Mông rồi về sống với nhau từ năm 2006 đến nay không đăng ký kết hôn. Mặc dù các bên đủ điều kiện kết hôn nhưng chỉ chung sống với nhau như vợ chồng thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Nay chị Thào Thị A làm đơn xin ly hôn do đó, cần căn cứ khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh Ph để chấm dứt mối quan hệ này.

2.2. Về con chung: Các đương sự có 04 người con chung là Vàng A V, sinh ngày 25/10/2009, cháu Vàng Thị S, sinh ngày: 28/3/2010, cháu Vàng Đình H, sinh ngày: 21/8/2015 và cháu Vàng Thị Ph, sinh ngày 08/11/2006. Trong đơn khởi kiện chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 4 cháu tuy nhiên tại phiên tòa ngày hôm nay chị A và anh Ph đã thỏa thuận được với nhau anh Ph sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 4 cháu, chị A cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/01 tháng/04 cháu kể từ tháng 02 năm 2025 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị A cấp dưỡng theo từng tháng và đưa tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 20 (đương lịch) hàng tháng và đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự không trái đạo đức xã hội, phù hợp với thực tế các cháu hiện đang sinh sống ổn định cùng với bố kể từ khi chị A và anh Ph ly thân. Do vậy, HĐXX căn cứ vào các Điều 58; Điều 69; Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân gia đình ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cả 4 người con cho anh Vàng A Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị A cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/01 tháng/04 cháu kể từ tháng 02 năm 2025 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả

năng lao động. Chị A cấp dưỡng theo từng tháng và đưa tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 20 (dương lịch) hàng tháng. Chị A có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án chị Thảo Thị A có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa chị A và anh Ph đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí của vụ án cho anh, chị, bởi vì, bản thân và gia đình chị A, anh Ph là người dân tộc Mông đang cư trú tại xã K, huyện Đ nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho chị Thảo Thị A và anh Vàng A Ph, miễn án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Thảo Thị A là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58; Điều 69; Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thảo Thị A và anh Vàng A Ph.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung là Vàng A V, sinh ngày 25/10/2009, cháu Vàng Thị S, sinh ngày: 28/3/2010, cháu Vàng Đình H, sinh ngày: 21/8/2015 và cháu Vàng Thị Ph, sinh ngày 08/11/2006 cho anh Vàng A Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị Thảo Thị A cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/04 cháu/01 tháng, cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 02 năm 2025 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị A cấp dưỡng theo từng tháng và đưa tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 20 (dương lịch) hàng tháng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

3. Về Tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Chị Thảo Thị A và anh Vàng A Ph không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thảo Thị A, anh Vàng A Ph được miễn án phí DSST. Chị Thảo Thị A được miễn án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Thảo Thị A và anh Vàng A Ph được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/01/2025)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hồng Quang

